

# BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

## Sikafloor®-264 HC

### HỆ THỐNG SƠN LÓT VÀ SƠN PHỦ HOÀN THIỆN EPOXY 2 THÀNH PHẦN

#### MÔ TẢ

Sikafloor®-264 HC là sản phẩm sơn gốc nhựa epoxy 2 thành phần, không dung môi, có màu, đạt hiệu quả kinh tế.

#### ỨNG DỤNG

Sikafloor®-264 HC nên được thi công bởi những nhà thầu chuyên nghiệp.  
Lớp sơn phủ cho sàn bê tông và vữa cán nền chịu tải trọng từ thấp đến cao như kho bãi, hội trường, nhà xưởng, khu vực sửa chữa, bảo dưỡng, gara, ram dốc,..  
Lớp phủ cho hệ thống rắc cát tạo nhám.

#### ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Kháng hóa chất và va đập cao
- Dễ thi công
- Tiết kiệm
- Không cho các chất lỏng thấm xuyên qua
- Không có dung môi
- Bề mặt hoàn thiện bóng láng
- Có khả năng kháng trơn trượt

#### THÔNG TIN SẢN PHẨM

<b>Gốc hoá học</b>	Epoxy	
<b>Đóng gói</b>	Thành phần A	7.9 kg/can
	Thành phần B	2.1 kg/can
	<b>Thành phần A+B</b>	<b>BỘ 10 kg</b>
	Thành phần A	15.8 kg/can
	Thành phần B	4.2 kg/can
	<b>Thành phần A+B</b>	<b>BỘ 20 kg</b>
<b>Ngoại quan / Màu sắc</b>	Thành phần A	Nhựa: dạng lỏng, có màu
	Thành phần B	Chất làm cứng: dạng lỏng, không màu
	Các màu: RAL 6010, RAL 6011, RAL 6032, RAL 1013, RAL 1014, RAL 7032, RAL 7035, RAL 7038, RAL 9003, RAL 9016, RAL 9010, RAL 5015. Màu đặc biệt tùy theo số lượng đặt hàng tối thiểu. Dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp, màu sắc có thể thay đổi hoặc bị phai màu nhưng không ảnh hưởng đến công dụng và khả năng làm việc của lớp phủ.	
<b>Hạn sử dụng</b>	12 tháng kể từ ngày sản xuất	
<b>Điều kiện lưu trữ</b>	Lưu trữ đúng cách trong bao bì còn nguyên, chưa mở, không bị hư hỏng ở điều kiện khô ráo, nhiệt độ từ 18 °C đến +30 °C.	

Tỷ trọng	Thành phần A	~ 1.64 kg/l	(DIN EN ISO 2811-1)
	Thành phần B	~ 1.0 kg/l	
	Hỗn hợp nhựa	~ 1.40 kg/l	

Tất cả các giá trị tỷ trọng đo ở nhiệt độ 23 °C.

Hàm lượng chất rắn theo khối lượng	100%
Hàm lượng chất rắn theo thể tích	100%

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Độ cứng Shore D	76 (7 ngày ở 23 °C)	(DIN53 505)
Kháng mài mòn	60 mg (CS10/1000/1000) (8 ngày ở 23 °C)	(DIN53-109)
Cường độ nén	~53 N/mm <sup>2</sup> (Nhựa với tỷ lệ trộn 1 : 0.9 cùng kích cỡ hạt F36) (28 ngày / +23 °C)	(EN196-1)
Cường độ kéo khi uốn	~20 N/mm <sup>2</sup> (Nhựa với tỷ lệ trộn 1 : 0.9 cùng kích cỡ hạt F36) (28 ngày / +23 °C)	(EN196-1)
Cường độ bám dính	> 1.5 N/mm <sup>2</sup> (phá huỷ bê tông)	(ISO4624)

## KHÁNG HOÁ CHẤT

Kháng nhiều loại hóa chất, tham khảo bản chi tiết kháng hóa chất

### Khả năng kháng nhiệt

Tiếp xúc*	Nhiệt khô
Lâu dài	50 °C
7 ngày	80 °C
12 giờ	100 °C

Tiếp xúc với nhiệt ẩm\* lên đến +80 °C nhưng không thường xuyên (ví dụ vệ sinh bằng hơi nước).  
\* Không tiếp xúc đồng thời giữa tác nhân cơ học và hóa học.

## THÔNG TIN HỆ THỐNG

### Các hệ thống

<b>Lớp sơn phủ</b>	x Sikafloor®-264 HC
Lớp kết nối	1 x Sikafloor®-161 HC
Lớp phủ	2 x Sikafloor®-264 HC
<b>Hệ thống nhám dày khoảng 4 mm</b>	
Lớp kết nối	1 x Sikafloor®-161 HC
Lớp nền	1 x Sikafloor®-263 SL HC + Quartz sand (0.1–0.3 mm)
Lớp tạo nhám	Quartz sand (0.4 – 0.7 mm) rắc đến khi phủ hết bề mặt
Lớp phủ hoàn thiện	1 x Sikafloor®-264 HC

## THÔNG TIN THI CÔNG

Tỷ lệ trộn	Thành phần A : thành phần B = 79 : 21 (theo khối lượng)
------------	---

Định mức	Hệ thống phủ	Sản phẩm	Định mức
	Lớp kết nối	Sikafloor®-161 HC	0.3–0.55 kg/m <sup>2</sup>
	Lớp làm phẳng (tùy chọn)	Vữa tự san phẳng Sikafloor®-161 HC	Tham khảo tài liệu kỹ thuật Sikafloor®-161 HC
	Lớp sơn phủ	2 x Sikafloor®-264 HC	0.25–0.3 kg/m <sup>2</sup> cho mỗi lớp
	Hệ thống nhám 4 mm	Sikafloor®-263 SL HC trộn với Quartz sand (0.1–0.3 mm) với tỉ lệ 1:1 theo khối lượng + quartz sand (0.4–0.7 mm) rắc phủ tạo nhám + Lớp phủ Sikafloor®-264 HC	2.0 kg/m <sup>2</sup> 2.0 kg/m <sup>2</sup> ~ 6.0 kg/m <sup>2</sup> ~ 0.7 kg/m <sup>2</sup>

**Ghi chú:** định mức trên chỉ là lý thuyết và không bao gồm phần vật liệu thêm vào do độ rỗng bề mặt, hình dạng và độ bằng phẳng bề mặt cũng như các hao phí khác.

<b>Nhiệt độ môi trường</b>	Tối thiểu +10 °C / Tối đa +30 °C								
<b>Độ ẩm không khí tương đối</b>	Tối đa 80%								
<b>Điểm sương</b>	Cần trọng với sự ngưng tụ! Nhiệt độ bề mặt và vật liệu chưa đông cứng phải cao hơn điểm sương ít nhất là 3°C để giảm thiểu rủi ro do sự ngưng tụ hoặc phồng dộp trên bề mặt sàn hoàn thiện.								
<b>Nhiệt độ bề mặt</b>	Tối thiểu +10 °C / Tối đa +30 °C								
<b>Độ ẩm bề mặt</b>	< 4 % Phương pháp kiểm tra: máy đo Sika® Tramex Meter, phương pháp đo CM, hoặc phương pháp sấy. Độ ẩm không tăng theo ASTM (tấm Polyethylene).								
<b>Thời gian thi công</b>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhiệt độ</th> <th>Thời gian</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>10 °C</td> <td>~ 50 phút</td> </tr> <tr> <td>20 °C</td> <td>~ 25 phút</td> </tr> <tr> <td>30 °C</td> <td>~ 15 phút</td> </tr> </tbody> </table>	Nhiệt độ	Thời gian	10 °C	~ 50 phút	20 °C	~ 25 phút	30 °C	~ 15 phút
Nhiệt độ	Thời gian								
10 °C	~ 50 phút								
20 °C	~ 25 phút								
30 °C	~ 15 phút								

<b>Thời gian bảo dưỡng</b>	Trước khi thi công Sikafloor®-264 HC lên trên Sikafloor®-161 HC cho phép:		
	<b>Nhiệt độ sàn</b>	<b>Thời gian tối thiểu</b>	<b>Thời gian tối đa</b>
	10 °C	24 giờ	3 ngày
	20 °C	12 giờ	2 ngày
	30 °C	8 giờ	1 ngày
	Trước khi thi công Sikafloor®-264 HC lên trên Sikafloor®-263 SL HC cho phép:		
	<b>Nhiệt độ sàn</b>	<b>Thời gian tối thiểu</b>	<b>Thời gian tối đa</b>
	10 °C	30 giờ	3 ngày
	20 °C	24 giờ	2 ngày
	30 °C	16 giờ	1 ngày

Thời gian trên là tương đối và sẽ bị ảnh hưởng khi thay đổi các điều kiện xung quanh đặc biệt là nhiệt độ và độ ẩm tương đối.

<b>Sản phẩm hoàn thiện</b>	<b>Nhiệt độ</b>	<b>Đi bộ</b>	<b>Tải trọng nhẹ</b>	<b>Khô cứng hoàn toàn</b>
	+10 °C	~ 72 giờ	~ 6 ngày	~ 10 ngày
	+20 °C	~ 24 giờ	~ 4 ngày	~ 7 ngày
	+30 °C	~ 18 giờ	~ 2 ngày	~ 5 ngày

Thời gian trên là tương đối và sẽ bị ảnh hưởng khi thay đổi các điều kiện xung quanh.

# HƯỚNG DẪN THI CÔNG

## CHẤT LƯỢNG BỀ MẶT / XỬ LÝ SƠ BỘ

- Bề mặt bê tông phải đặc chắc và đạt cường độ nén tối thiểu là 25 N/mm<sup>2</sup>, cường độ bám dính tối thiểu là 1.5 N/mm<sup>2</sup>.
- Bề mặt phải sạch sẽ, khô ráo, không chứa các thành phần ô nhiễm như bụi bẩn, dầu, mỡ, các lớp phủ cũ, các hợp chất bảo dưỡng bề mặt.
- Nên làm thử một diện tích nhỏ để kiểm tra trước khi thi công!
- Bề mặt bê tông phải được chuẩn bị bằng các biện pháp cơ học thích hợp sử dụng máy bắn nhám hoặc máy cào để loại bỏ bột xi măng và đạt được bề mặt nhám.
- Bê tông yếu phải được loại bỏ và các khiếm khuyết bề mặt như lỗ rỗng, lỗ rỗng phải được để lộ thiên hoàn toàn.
- Sửa chữa bề mặt, trám các lỗ rỗng, lỗ rỗng, làm phẳng bề mặt cần phải được thực hiện, có thể sử dụng các sản phẩm thích hợp thuộc dòng Sikafloor®, Sikadur® hoặc Sikagard® để sửa chữa.
- Bề mặt bê tông hãy vừa cán nền phải được quét lót hoặc làm phẳng để đạt được bề mặt hoàn thiện đồng nhất.
- Các điểm cộm lên phải được làm phẳng, ví dụ như mài.
- Tất cả bụi bẩn, các thành phần dễ bong tróc phải được loại bỏ hoàn toàn trước khi thi công sản phẩm, ưu tiên dùng bàn chải và/hoặc máy hút bụi.

## TRỘN

### Thời gian trộn

Trước khi trộn, khuấy đều thành phần A. Khi cho hết thành phần B vào thành phần A tiếp tục trộn trong 2 phút cho đến khi đạt được hỗn hợp đồng nhất. Đổ hỗn hợp sang một thùng sạch khác và tiếp tục trộn để đảm bảo đạt được hỗn hợp đồng nhất. Không trộn quá lâu để giảm hiện tượng cuốn khí.

### Dụng cụ trộn

Sikafloor®-264 HC phải được trộn bằng bằng cần trộn điện tốc độ thấp (300-400 vòng/phút) hoặc dụng cụ trộn thích hợp khác.

## THI CÔNG

Kiểm tra độ ẩm bề mặt, độ ẩm tương đối, điểm sương trước khi thi công. Nếu độ ẩm bề mặt lớn hơn 4% thì phải thi công hệ thống Sikafloor® Epocem® như là hệ thống ngăn ẩm tạm thời.

Nếu độ ẩm lớn hơn 4% có thể dùng Sikafloor® Epocem® như là hệ thống ngăn ẩm.

### Làm phẳng bề mặt:

Bề mặt gồ ghề phải được làm phẳng trước. Theo đó sử dụng vữa Sikafloor®-161 HC để làm phẳng (tham khảo tài liệu kỹ thuật Sikafloor®-161 HC).

### Lớp phủ:

Sikafloor®-264 HC là sản phẩm dùng làm lớp phủ hoàn thiện, có thể dùng con lăn để thi công (theo phương vuông góc với nhau).

### Lớp trám:

Lớp trám có thể thi công bằng thanh gạt cao su sau đó lăn lại bằng con lăn (theo phương vuông góc).

## VỆ SINH DỤNG CỤ

Vệ sinh dụng cụ ngay lập tức sau khi dùng. Vật liệu đã đông cứng chỉ có thể loại bỏ bằng các biện pháp cơ học.

## SỰ BẢO DƯỠNG

### VỆ SINH

Để giữ gìn bề mặt sàn sau khi thi công, các mẫu Sikafloor®-264 HC bị rơi vãi phải được lau sạch ngay lập tức và phải dùng máy đánh bóng mềm để làm sạch cơ học, làm sạch bằng phương pháp ướt, phương pháp chà mạnh, vệ sinh bằng kỹ thuật rửa chân không, sử dụng chất tẩy rửa thích hợp và sáp ong.

## CÁC GIỚI HẠN

- Không được thi công Sikafloor®-264 HC lên trên bề mặt có độ ẩm tăng.
- Không phủ vật liệu khác lên trên lớp kết nối.
- Sikafloor®-264 HC mới thi công phải được bảo vệ khỏi hơi ẩm, sự ngưng tụ và nước tối thiểu 24 giờ.
- Tránh hiện tượng phồng rộp trên bề mặt bằng lớp lót.
- Những khu vực mà độ mở hạn chế và độ thấm hút trung bình thì việc thi công lớp lót bằng Sikafloor®-161 HC là không cần thiết đối với hệ thống phủ bằng con lăn hoặc tạo nhám.
- Đối với lớp phủ / lớp tạo nhám: bề mặt không bằng phẳng bao gồm cả bụi bẩn không nên và không thể phủ bằng lớp phủ mỏng. Theo đó tất cả các bề mặt và khu vực lân cận phải luôn luôn được chuẩn bị và vệ sinh sạch sẽ trước khi thi công.

### Dụng cụ

Giới thiệu một số địa chỉ có bán dụng cụ: PPW-Polyplan-Werkzeuge GmbH, Phone: +49 40/5597260, www.polyplan.com.

Serrated trowel for smooth wearing layer:

e.g. Large-Surface Scrapper No. 565, Toothed blades No. 25 Serrated trowel for textured wearing layer:

e.g. Trowel No. 999 or Adhesive Spreader No.777, Toothed blades No. 23

Việc đánh giá và xử lý các vết nứt không đúng cách có thể dẫn đến giảm tuổi thọ của sản phẩm và phản chiếu vết nứt.

Để màu của sàn sau khi hoàn thiện có màu đồng nhất thì nên dùng cùng một lô Sikafloor®-264 HC cho cùng một khu vực.

Ở một vài điều kiện khi sàn bị đốt nóng kết hợp với tải trọng tập trung cao có thể dẫn đến hiện tượng “vết nhăn” trên bề mặt sàn.

Nếu nhiệt được yêu cầu thì không được sử dụng ga, parafin, dầu, nhiên liệu hoá thạch vì chúng sẽ sản sinh ra một lượng lớn hỗn hợp khí CO<sub>2</sub> và hơi nước, điều đó có ảnh hưởng bất lợi cho việc hoàn thiện. Để gia nhiệt nên sử dụng nguồn khí ấm từ điện năng.

## THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này điều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

## GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

## SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Để biết thông tin và được tư vấn về an toàn sử dụng, lưu trữ và thải bỏ sản phẩm thuộc nhóm hóa chất, người sử dụng nên tham khảo Tài Liệu An Toàn Sản Phẩm mới nhất về lý tính, sinh thái, tính độc hại và tài liệu an toàn liên quan khác.

## LƯU Ý PHÁP LÝ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

### Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1  
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Tel: (84-251) 3560 700  
Fax: (84-251) 3560 699  
sikavietnam@vn.sika.com  
vnm.sika.com



Bản chi tiết sản phẩm  
Sikafloor®-264 HC  
Tháng Một 2019, Hiệu đính lần 01.03  
020811020020000164

Sikafloor-264HC-vi-VN-(01-2019)-1-3.pdf